

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P T
TỈNH A G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HSST
Ngày: 26 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P T, TỈNH A G**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn H

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn S

2. Ông Nguyễn Văn Th

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Thị R - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Trường Mẫu giáo thị trấn Chợ Vàm, Tòa án nhân dân huyện P T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/HSST-QĐ ngày 13/6/2018 đối với các bị cáo:

1/ Lê Minh T, sinh ngày 26/9/1994; Nơi sinh: huyện P T, tỉnh A G; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Ấp Phú Hữu, thị trấn Chợ Vàm, huyện P T, tỉnh A G; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12. Con ông Lê Minh L, sinh năm 1976 (chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2018 cho đến nay, có mặt.

2/ Phạm Quốc G, sinh ngày 09/9/1996; Nơi sinh: huyện P T, tỉnh A G; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Ấp Phú Trường, thị trấn Chợ Vàm, huyện P T, tỉnh A G; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12. Con ông Phạm Quốc Ch, sinh năm 1970 và bà Mạc Thị H, sinh năm 1974; Tiền sự, Tiền án: không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2018 cho đến nay, có mặt.

3/ Nguyễn Hùng C (Nh), sinh năm 1996; Nơi sinh: huyện P T, tỉnh A G; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Ấp Phú Đức A, xã Phú Thạnh, huyện P T, tỉnh A G; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 03/12. Con ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1971

(chết năm 2015) và bà Hồ Kim D, sinh năm 1979; Tiền án, Tiền sự: không; Bị giam giữ từ ngày 06/02/2018 đến nay, có mặt.

4/ Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh ngày 24/02/1999; Nơi sinh: huyện P T, tỉnh A G; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Ấp Phú Cường B, xã Phú Thạnh, huyện P Tân, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 07/12. Cha (không rõ) và bà Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1982; Tiền sự, Tiền án: không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2018 cho đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 (vắng mặt);

2/ Anh Lê Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Hữu, thị trấn Chợ Vàm, huyện P T, tỉnh A G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 23/01/2018, anh Đinh Phước H, sinh năm 1985, địa chỉ: Ấp Phú Lợi, xã Phú Lâm, huyện P T sử dụng điện thoại di động, số thuê bao 0987.715.175 gọi cho bị cáo Lê Minh T, số thuê bao 01629.053.127 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá để sử dụng. Bị cáo đồng ý và hẹn anh H tại quán cà phê “*Tuấn Kiệt*” thuộc khu vực ấp Phú Đức A, xã Phú Thạnh, huyện P T để giao ma túy. Sau đó, bị cáo lấy bọc ma túy mua của bị cáo Phạm Quốc G trước đó từ trong túi xách của bị cáo Nguyễn Thị Bảo Tr ra rồi cả hai cùng đi trên xe mô tô biển kiểm soát 67K1-100.07 đến điểm hẹn. Khi đến nơi, bị cáo đi vào quán giao cho anh H 01 bọc ma túy đá và nhận 300.000 đồng, còn bị cáo Tr ngồi ngoài chờ. Khi bị cáo trở ra xe thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, bắt quả tang. Số ma túy trên do bị cáo T mua của G 02 bọc, giá 400.000 đồng. Bị cáo sử dụng hết 01 bọc, còn lại 01 bọc bán cho anh H.

Ngoài lần bị phát hiện bắt quả tang nêu trên, bị cáo T và Tr khai nhận còn mua ma túy đá của bị cáo G để bán cho người khác sử dụng như sau:

Lần 1: Vào khoảng 15 giờ ngày 17/01/2018 cả hai cùng với bị cáo G, Nguyễn Hùng C (Nh) và anh Đặng Thanh Q đang uống rượu bia tại quán “*Trung Tín*” thuộc khu vực ấp Phú Cường B, xã Phú Thạnh, huyện P T thì anh H gọi hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá để sử dụng. Sau đó, bị cáo Tuấn kêu bị cáo G giao ma túy và bị cáo này điều khiển xe mô tô biển số 67N1 - 5427 của anh Q chạy đến quán cà phê “*Tuấn Kiệt*” giao 01 bọc ma túy đá cho anh H và lấy 300.000 đồng.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp Phú Cường B, xã Phú Thạnh, huyện P T gọi cho bị cáo T hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá sử dụng. Bị cáo kêu bị cáo G đưa 01 bọc ma túy đá rồi rủ bị cáo Tr cùng đi

giao ma túy. Bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67K1-100.07 chở Tr. Trên đường đi, T đưa bọc ma túy đá cho Tr giữ và dặn “*Chỉ giao ma túy cho anh Lít khi T đã nhận được tiền*”. Đến nơi, Tr giao ma túy cho anh L, còn Tuấn nhận 300.000 đồng, số tiền này T trả cho G 200.000 đồng tiền mua ma túy và đưa Tr giữ 100.000 đồng.

Lần 2: Vào khoảng 10 giờ ngày 21/01/2018, anh H gọi cho bị cáo hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá để sử dụng. Bị cáo đồng ý và hẹn anh H tại quán cà phê “*Thùy Nhung*” thuộc ấp Phú Cường A, xã Phú Thạnh để giao. Sau đó, bị cáo liên lạc với bị cáo G qua số điện thoại 01655.222.087 hỏi mua 200.000 đồng ma túy và hẹn gặp G tại quán “*Trung Tín*” để nhận. Sau khi nhận được ma túy, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67K1-100.07 chở bị cáo Tr cùng đi giao và nhận 300.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo T cùng với C mua ma túy đá của G để bán cho người khác sử dụng, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 11/01/2018, chị Võ Thị Mộng Ngà, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp Phú Đức A, xã Phú Thạnh, huyện P T liên lạc với bị cáo T để mua 300.000 đồng ma túy sử dụng. Sau đó, bị cáo mua ma túy của G, rồi kêu C lấy xe mô tô biển kiểm soát 67K1-100.07 giao cho chị Ng. C được trả công 50.000 đồng và nhờ trả tiền mua ma túy cho G 200.000đ.

Lần 2: Ngày 14/01/2018, anh H gọi cho bị cáo T hỏi mua 300.000 đồng ma túy. Cũng như lần trước, bị cáo kêu C lấy xe mô tô biển kiểm soát 67K1-100.07 gặp G nhận 01 bọc ma túy rồi đến quán “*Tuấn Kiệt*” giao cho anh H. C được trả công 20.000 đồng và nhờ trả tiền mua ma túy cho G 200.000đ.

Lần 3: Ngày 16/01/2018, anh H gọi cho bị cáo T hỏi mua 300.000 đồng ma túy. Cũng như lần trước, bị cáo kêu C lấy xe mô tô biển kiểm soát 67K1-100.07 gặp G nhận 01 bọc ma túy rồi đến quán “*Tuấn Kiệt*” giao cho anh H. C được trả công 50.000 đồng và nhờ trả tiền mua ma túy cho G 200.000đ.

Nguồn gốc số ma túy bán cho T, bị cáo G khai đã cùng với Đặng Thanh Q, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp Phú Đức B, xã Phú Thạnh, huyện P T mua tại thành phố C Đ về sử dụng và bán lại kiếm lời. Cụ thể, ngày 11/01/2018, bị cáo cùng với Q đã 02 lần bán 02 bọc ma túy đá, giá 600.000 đồng cho Võ Thành Đ, ngụ ấp Phú Hiệp, thị trấn Chợ Vàm để sử dụng và nhận 500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đỏ, model 105.

Căn cứ Kết luận giám định số 64/KLGD-PC54 ngày 31/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A G, ghi nhận: Mẫu gửi đến giám định là ma túy, khối lượng 0,0292 gam, loại Methamphetamine.

Qua xác minh và căn cứ các chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P T đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và lệnh bắt tạm giam đối với Lê Minh T, Nguyễn Thị Bảo Tr, Phạm Quốc G và Nguyễn Hùng C (Nh) về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” để điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-PT ngày 31/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P T đã truy tố các bị cáo Lê Minh T, Phạm Quốc G, Nguyễn Hùng C (Nh) và Nguyễn Thị Bảo Tr về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Những người có quyền lợi liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị M: Xe mô tô biển kiểm soát 67K1-100.07 bị tạm giữ ngày 23/01/2018 là xe của bà mua lại của em rể Lê Văn T vào năm 2015, với giá 4.500.000 đồng, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Bà không biết T sử dụng xe đi mua bán ma túy, xin nhận lại xe để sử dụng.

Ông Lê Văn T xác nhận đã bán xe mô tô biển kiểm soát 67K1-100.07 cho bà M, chưa làm thủ tục sang tên và giấy xe vẫn do ông đứng tên.

Về thủ tục điều tra, truy tố: Cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T luận tội giữ nguyên tội danh và khung hình phạt theo Cáo trạng truy tố; căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo Lê Minh T và Phạm Quốc G mỗi bị cáo từ 07 đến 08 năm tù;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Hùng C (Nh) từ 06 đến 07 năm tù;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thị Bảo Tr từ 03 đến 04 năm tù;

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Mong quý Tòa giảm nhẹ hình phạt để sớm về sum họp gia đình, hứa sẽ không tái phạm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Qua điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Lê Minh T, Phạm Quốc G thừa nhận: Khoảng tháng 12/2017 và tháng 01/2018, bị cáo G cùng với anh Đặng Thanh Q đến thành phố C Đ, tỉnh A G mua ma túy về sử dụng và bán lại cho bị cáo T, anh Võ Thành Đ và Đinh Phước H, tổng cộng 10 gói, số tiền 2.300.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Hùng C và Nguyễn Thị Bảo Tr thừa nhận: trong tháng 01/2018 đã giúp sức cho bị cáo T bán ma túy cho anh Đinh Phước H, Huỳnh Văn L và chị Võ Thị Mộng Ng. Cụ thể, bị cáo Tr cùng với T bán cho anh L và H 03 gói, số tiền 900.000 đồng; bị cáo C cùng với T bán cho chị Ng và anh H 03 gói, số tiền 900.000 đồng.

[2.2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với kết luận giám định số 64/KLGĐ-PC54 ngày 31/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A G và các tài liệu có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở xác định, hành vi của các bị cáo nhằm mua bán trái phép chất ma túy để hưởng lợi.

[2.3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng tìm mọi cách thực hiện, cho thấy các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi:

[3.1] Bản thân các bị cáo T và G là những người nghiện các chất ma túy. Cụ thể, vào năm 2015 và 2016 bị cáo T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đưa đi cai nghiện bắt buộc 02 năm và bị cáo G là 01 năm 03 tháng. Tuy nhiên sau khi trở về địa phương các bị cáo tái nghiện, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân và sinh lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán nhiều lần và hành vi này đã phạm vào tình tiết tăng nặng định khung hình phạt (phạm tội 02 lần trở lên), quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo C và Tr đã giúp sức cho bị cáo T bán chất ma túy cho người khác từ 02 lần trở lên cũng là hành vi phạm vào tình tiết tăng nặng định khung hình phạt.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P T truy tố các bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Tội phạm do các bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tính độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý các chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[3.3] Vụ án có nhiều bị cáo tham gia là đồng phạm, nhưng thuộc trường hợp giản đơn. Hội đồng xét xử xét vai trò của từng bị cáo khi quyết định áp dụng hình phạt.

Đối với bị cáo T và G biết rõ ma túy là chất gây nghiện, rất nguy hiểm cho người sử dụng, nhưng vì háms lợi nên tìm mua chất này với mục đích sử dụng và bán lại cho người khác để hưởng lợi, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự tại địa phương nên phải xử lý nghiêm để răn đe.

Đối với bị cáo C cũng đã trưởng thành nhưng không biết rèn luyện bản thân, giao lưu với thành phần xấu nên bị nghiện chất ma túy, để có tiền sử dụng, bị cáo đã nhiều lần giúp sức cho bị cáo T bán chất ma túy cho người khác để cùng hưởng lợi, nên cũng phải bị xử lý.

Đối với bị cáo Tr là nữ giới, nhưng không biết rèn luyện bản thân, giao lưu với thành phần xấu, bị lôi kéo nên đã nhiều lần giúp sức cho bị cáo T bán chất ma túy cho người khác để cùng hưởng lợi, nên cũng phải bị xử lý, nhưng mức độ được giảm nhẹ hơn so với đồng phạm khác.

[3.4] Hiện nay, tệ nạn ma túy đã và đang diễn ra nhiều trên địa bàn huyện P T và có chiều hướng gia tăng, với nhiều thủ đoạn rất khó bị phát hiện, tác động xấu đến tầng lớp thanh thiếu niên ở địa phương mà phần lớn đều đang ở độ tuổi lao động, làm cho họ trở thành lười nhác, bỏ bê công việc, là gánh nặng cho gia đình, làm phá tán tài sản, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên Tòa án chọn vụ án do bị cáo gây ra để xét xử lưu động, nhằm tuyên truyền và giáo dục ý thức về pháp luật trong quần chúng nhân dân ngày càng được tốt và phòng ngừa chung.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với tất cả các bị cáo, nhằm tiếp tục cải tạo, giáo dục họ trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật sau này.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau đối với các bị cáo T, G và Tr: khai báo thành khẩn trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tỏ rõ ăn năn hối cải; tự thú về những lần bán ma túy trước đó (trừ bị cáo C); bản thân chưa có tiền án, tiền sự và xuất thân từ thành phần lao động, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế.

[3.5] Xét bị cáo C được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; lần đầu phạm tội và giữ vai trò không đáng kể nên cần thiết áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe.

[3.6] Xét bị cáo Tr cũng được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cha mẹ ly hôn từ nhỏ, phải sống với người thân, thiếu sự quan tâm giáo dục nên bị lôi kéo vào con đường phạm tội, lần đầu phạm tội và giữ vai trò không đáng kể nên cần thiết áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục.

[3.7] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét tính chất vụ án và gia cảnh của từng bị cáo, thấy không cần áp dụng thêm hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

[3.8] Vụ án có đồng phạm khác tên Đặng Thanh Q, hiện đã bỏ trốn, khi nào bắt được xử lý sau.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không .

[5] Các biện pháp tư pháp:

[5.1] Hội đồng xét xử xác định xe mô tô biển kiểm soát 67K1– 100.07 và Giấy chứng nhận đăng ký xe không liên quan đến tội phạm, xét trả lại cho bà Nguyễn Thị M.

[5.2] Đối với 03 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu đen; Vivo, màu đen và Nokia, model 150, màu xanh đen; số tiền 300.000đ là tài sản có liên quan đến việc phạm tội, tịch thu sung quỹ nhà nước.

[5.3] Bị cáo G phải nộp số tiền 2.000.000đ; bị cáo T và Tr phải nộp số tiền 180.000đ và bị cáo C phải nộp số tiền 120.000đ thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

[5.4] Vật chứng khác thu giữ trong quá trình điều tra không còn giá trị sử dụng, được tịch thu tiêu hủy.

[6] Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh T, Phạm Quốc G, Nguyễn Hùng C (Nh) và Nguyễn Thị Bảo Tr phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2018.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc G 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2018.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng C (Nh) 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2018.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bảo Tr 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2018.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) hộp niêm phong (vụ số 64/KLGD-PC54 ngày 31/01/2018, có in dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A G và các chữ ký tên Nguyễn Thị Mỹ H, Đinh Hoài D và Cao Kỳ Ph;

- 01 (một) bóp da màu đen (đã qua sử dụng).

Tịch thu sung quỹ:

- 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu đen (đã qua sử dụng);

- 01 (một) điện thoại di động Vivo, màu đen (đã qua sử dụng);

- 01 (một) điện thoại di động Nokia, model 150, màu xanh đen (đã qua sử dụng);

- Số tiền Việt Nam 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Bị cáo G phải nộp số tiền 2.000.000đ; bị cáo T và Tr phải nộp số tiền 180.000đ và bị cáo C phải nộp số tiền 120.000đ thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 67K1– 100.07 (đã qua sử dụng), kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Lê Văn T.

(Vật chứng, số tiền do Chi cục Thi hành án dân sự huyện P T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2018).

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được thực hiện quyền này, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND huyện PT;
- CC THADS huyện PT;
- CQCSĐT Công an huyện P T;
- Sở tư pháp tỉnh AG;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, VP.

Trương Văn H